

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS-ST.
Ngày: 10 - 01 - 2025.
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Hùng Em;
2. Bà Đặng Thị Nguyên Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hữu Có, Thư ký HùngToà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thông, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31/12/2024, 10/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2024/TLST-DS ngày 10/6/2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2024/QĐXXST-DS ngày 16/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2024/QĐST-DS ngày 31/12/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Đỗ Thị Mộng T, sinh năm 1977, Chủ hộ kinh doanh H3, địa chỉ: khóm D, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Lê Văn Beo L (Lê Văn B), sinh năm 1974;
Lê Nhật H, sinh năm 1977 (con ông Beo L).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Võ Văn H1, sinh năm 1981 (chồng bà T), địa chỉ: khóm B, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Các ông, bà: H1, T, Beo L, H có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện trình bày: khoản đầu năm 2003, H2 kinh doanh Hoàng Q do bà làm chủ hộ có bán cho ông Beo L, ông H thức ăn thủy sản. Tính đến ngày 30/3/2024, thì ông Beo L, ông H còn nợ số tiền 1.992.090.000đ. Do đã nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng không trả. Do đó khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Beo L và ông H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc 1.992.090.000đ và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 29/3/2024 cho đến khi xét xử xong vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn cho là trong quá trình giải quyết vụ án, ông Beo L và ông H đã chuyển trả 3 lần tổng cộng 600.000.000đ (ngày 31/7/2024 chuyển 200.000.000đ, 20/10/2024 chuyển 200.000.000đ, 12/12/2024 chuyển 200.000.000đ), nên chỉ yêu cầu ông Beo L và ông H liên đới trả 1.392.090.000đ và tính lãi từ khi Tòa án thụ lý 10/6/2024 đến nay là 07 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Lê Văn Beo L, Lê Nhật H trình bày: có mua thức ăn thủy sản của H2 kinh doanh Hoàng Q do bà Mộng T làm đại diện chủ hộ, khi mua có làm hợp đồng ngày 01/02/2024, do sổ mua bán đã mất, nên giữa 02 bên chưa xác định số lượng giao nhận thức ăn, số tiền đã trả, mặc dù còn nợ nhưng do chưa chốt được công nợ, nên chưa trả, nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Theo lời trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Văn H1: thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định. Về ý kiến giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Beo L, ông H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 1.392.090.000đ và tính lãi trên số nợ gốc từ ngày 10/6/2024 đến ngày xét xử 10/01/2025 là 07 tháng, với mức lãi 0,83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đương sự tranh chấp về hợp đồng dân sự và bị đơn có địa chỉ tại huyện T, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giảm số tiền khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Beo L, ông H trả số tiền nợ 1.392.090.000đồng và tính lãi 7 tháng, mức lãi 0,83%/tháng, số tiền 80.875.000đ. Xét thấy, sự thay đổi trên là tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho phía bị đơn, nghĩ nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Các đương sự thống nhất thừa nhận: giữa 02 bên có mua bán thức ăn thủy sản nhiều đợt từ năm 2023 đến nay và cũng đã chuyển khoản trả tiền nhiều lần, bị đơn cho là còn nợ tiền mua thức ăn thủy sản; 02 bên có ký kết hợp đồng mua bán thức ăn ngày 01/02/2024; theo sổ sách phía nguyên đơn cung cấp, tính đến ngày 02/03, số tiền 2.292.090.000đ, bị đơn Béo L1 thừa nhận có ký tên phía dưới. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy:

Tại phiên tòa, nguyên đơn cho là ngày 02/3/2024 giữa 02 bên đã ngồi lại, tính toán các khoản và kết sổ nợ 2.292.090.000đ, phía bị đơn cho là còn nợ nhưng không biết bao nhiêu, vì đã mất sổ theo dõi, 02 bên chưa chốt công nợ.

Xét thấy, theo sổ sách do nguyên đơn cung cấp đề có thể hiện ngày tháng bán hàng, chủng loại, số lượng hàng và số tiền bán hàng, số tiền đã trả (chuyển khoản), đều có chữ ký của phía ông Beo L. Còn phía bị đơn thì không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh với lý do đã mất sổ theo dõi.

Như vậy, chính ông Beo L thừa nhận chữ ký của mình sau khi kết sổ với nguyên đơn nợ số tiền 2.292.090.000đ, thì ông phải chịu trách nhiệm chứ không thể đổ lỗi chưa chốt công nợ và không đưa được chứng cứ gì chứng minh về việc chưa chốt nợ.

Ngoài ra, tại phiên tòa, nguyên đơn cho là sau khi kết sổ nợ thì ngày 21/3/2024 ông B có chuyển 200.000.000đ (phù hợp chứng cứ sao kê Ngân hàng do bị đơn cung cấp); ngày 29/3/2024 ông B có chuyển 100.000.000đ (phù hợp chứng cứ sao kê Ngân hàng do bị đơn cung cấp); ngày 31/7/2024 chuyển 200.000.000đ; ngày 20/10/2024 chuyển 200.000.000đ; ngày 12/12/2024 chuyển 200.000.000đ.

Do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về số tiền nợ yêu cầu 1.392.090.000đ.

Về số tiền lãi, xét thấy: giữa 02 bên có hợp đồng ngày 01/02/2024 có nội dung “Bên A đồng ý bán nợ cho bên B trong thời gian 100 ngày, bên B thanh toán đủ cho bên A”. Như vậy, giữa 02 bên trong hợp đồng mua bán có thỏa thuận nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, nay ông Beo L, ông H không thực hiện đúng theo quy định trong hợp đồng thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu trả lãi với số tiền 80.875.000đ, là có lợi cho bị đơn về thời hạn, mức lãi suất, cách tính lãi, nên chấp nhận.

[5] Ngoài ra, tại phiên tòa, phía ông Beo L, ông H cho là số tiền mà ông ký nhận nợ chưa tính chi phí vận chuyển, ông chỉ nói chứ không đưa ra được số tiền cụ thể để căn trừ. Xét thấy, đây là yêu cầu phản tố của bị đơn đề bù trừ nghĩa vụ

đối với nguyên đơn, nhưng phía bị đơn cho là chỉ nói tại phiên tòa, chứ không làm đơn, không yêu cầu xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, sau này có tranh chấp sẽ được xem xét thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Từ nhận định trên, nên chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, ông Beo L, ông H có trách nhiệm trả tiền 1.472.965.000đ thì phải chịu án phí là $36.000.000đ + 3\% \times 672.965.000đ = 56.188.950đ$ (lấy tròn 56.189.000đ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147 và 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Buộc các ông Lê Văn Beo L, Lê Nhật H có nghĩa vụ liên đới trả 1.472.965.000đồng (Năm mươi lăm triệu đồng) tiền nợ mua thức ăn thủy sản cho bà Đỗ Thị Mộng T (chủ hộ kinh doanh H).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Các ông Lê Văn Beo L, Lê Nhật H phải liên đới nộp 56.189.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Đỗ Thị Mộng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng dân sự sơ thẩm đã nộp 36.252.000đồng theo biên lai thu số 0010515 ngày 06/6/2024 (do Dương Thị Như Ý nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Tam Nông;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**